

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011, thay đổi lần thứ 06 vào ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 06/10/2021)
Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/10/2021)
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Ông Đoàn Minh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 04/10/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 08/06/2021 và Miễn nhiệm ngày 04/10/2021)
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/06/2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/07/2021)
Bà Trịnh Thị Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/07/2021)

Các thành viên của Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Xuân	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Ông Lê Anh Bắc	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Bà Lê Thị Hương Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Đàm Thị Thu Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Hồ Thị Duyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

TM Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 253/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Thị Hạnh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán: 0726-2018-133-1

Nguyễn Hà Phương
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán: 4033-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.124.176.730	104.171.141.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	117.378.107	1.541.859.946
1. Tiền	111		117.378.107	1.541.859.946
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.290.321.571	95.295.230.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.113.673.014	88.195.055.256
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	242.595.990	6.754.774.216
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	39.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.955.651.867	406.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(60.599.300)	(60.599.300)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.710.433.717	6.677.785.608
1. Hàng tồn kho	141		1.710.433.717	6.677.785.608
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.043.335	656.265.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	6.043.335	656.265.985
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.554.310.183	79.984.265.745
II. Tài sản cố định	220		-	3.624.457.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	3.624.457.745
- Nguyên giá	222		227.751.865	9.519.096.512
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(227.751.865)	(5.894.638.767)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	85.340.187.965	76.359.808.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.760.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.580.187.965	76.359.808.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		214.122.218	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	214.122.218	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.678.486.913	184.155.407.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Số đầu năm

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.226.423.043	111.129.425.130
I. Nợ ngắn hạn	310		6.754.890.651	85.770.883.130
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.129.105.000	73.713.007.848
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.988.525.000	6.195.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.027.405.834	5.475.721.267
4. Phải trả người lao động	314		1.313.738.378	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17a	279.479.492	40.454.990
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.636.947	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13.a	-	6.535.504.025
II. Nợ dài hạn	330		24.471.532.392	25.358.542.000
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17b	1.361.532.392	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13.b	23.110.000.000	25.358.542.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.452.063.870	73.025.982.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	78.452.063.870	73.025.982.326
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.452.063.870	13.025.982.326
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.025.982.326	9.164.658.321
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.426.081.544	3.861.324.005
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.678.486.913	184.155.407.456

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	103.207.415.904	113.727.845.485
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		103.207.415.904	113.727.845.485
4. Giá vốn hàng bán	11	22	90.197.191.036	106.640.546.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.010.224.868	7.087.298.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	17.866.656	363.259.982
7. Chi phí tài chính	22	24	1.943.913.813	4.358.962.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.943.538.219	4.349.767.216
8. Chi phí bán hàng	24	25	327.246.848	783.096.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	5.079.619.009	1.508.655.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.677.311.854	799.844.922
11. Thu nhập khác	31	27	1.588.101.449	7.840.327.970
12. Chi phí khác	32	28	950.637.113	4.038.699.550
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		637.464.336	3.801.628.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.314.776.190	4.601.473.342
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	888.694.646	740.149.337
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.426.081.544	3.861.324.005
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	904	644

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Phương pháp gián tiếp

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.314.776.190	4.601.473.342
2. Điều chỉnh cho các khoản		593.232.174	8.244.368.020
- Khấu hao tài sản cố định	02	255.286.466	12.096.413.504
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	375.594	1.775.252
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.605.968.105)	(8.203.587.952)
- Chi phí lãi vay	06	1.943.538.219	4.349.767.216
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.908.008.364	12.845.841.362
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	75.838.759.731	4.064.412.591
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.967.351.891	(2.142.255.380)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(72.936.593.429)	66.330.248.103
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	436.100.432	(399.076.835)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(342.981.325)	(4.385.084.988)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(671.614.173)	(1.444.262.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.199.031.491	74.869.822.637
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.000.000.000)	(5.909.651.641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	10.957.272.728	24.189.090.909
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.612.000.000)	(76.359.808.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.573.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.760.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.635.561	363.259.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.839.091.711)	(57.717.108.750)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	46.790.000.000	16.451.230.247
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.574.046.025)	(35.810.675.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.784.046.025)	(19.359.444.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.424.106.245)	(2.206.731.007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.541.859.946	3.748.590.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(375.594)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	117.378.107	1.541.859.946

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011, thay đổi lần thứ 06 vào ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn.)

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định,

2.8.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

2.8.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	01 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 06 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn

hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	90.309.023	688.151.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.069.084	853.708.674
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	117.378.107	1.541.859.946

4. Các khoản đầu tư tài chính*(Chi tiết phụ lục 01)***5. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	6.113.673.014	88.195.055.256
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Quân	1.736.800.000	-
Công ty CP XD Nền móng Dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	1.236.159.578	1.336.159.578
Công ty CP Thiết bị Xây dựng Tiên phong	630.000.000	-
Các đối tượng khác	2.510.713.436	86.858.895.678
Cộng	6.113.673.014	88.195.055.256
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	441.100.000	-

*(Xem chi tiết tại thuyết minh 35)***6. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	242.595.990	6.754.774.216
Công ty Cổ phần M.A.P Global	-	2.460.574.916
Rent Centric, Inc	158.595.990	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	40.000.000	-
Các đối tượng khác	44.000.000	4.294.199.300
Cộng	242.595.990	6.754.774.216

7. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng (*)	39.000.000	-	-	-
Cộng	39.000.000	-	-	-

(*) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng Hợp đồng cho vay 0505/2021/HĐVV/ENTECS-SENTRANG ngày 05/05/2021. Số tiền được vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 03 tháng và tự gia hạn nếu không có thỏa thuận bằng văn bản, lãi suất cho vay: 6,5%/ năm.

8. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

a. Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	13.116.800.737	-	362.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	44.000.000	-	44.000.000	-
Phải thu khác	2.794.851.130	-	-	-
Cộng	15.955.651.867	-	406.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiết khoản tạm ứng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Võ Thùy Giang (*)	11.525.000.000	-
Đình Thị Thu Vân	1.200.000.000	-
Phạm Thị Hòa	209.000.000	-
Các đối tượng khác	182.800.737	362.000.000
Cộng	13.116.800.737	362.000.000

(*) Đây là khoản tạm ứng tiền nhằm phục vụ việc thuê văn phòng làm việc mới tại số 10 phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh kế hoạch 5 năm 2022 - 2026.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	60.599.300	-	60.599.300	-
Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu thép Việt Nhật	60.599.300		60.599.300	

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	86.261.290	-	228.742.461	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	536.028.478	-	-	-
Hàng hoá	1.088.143.949	-	6.449.043.147	-
Cộng	1.710.433.717	-	6.677.785.608	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

Tại 31/12/2021 Ban giám đốc đánh giá hàng tồn kho không suy giảm giá trị nên không trích lập dự phòng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*(Chi tiết phụ lục số 02)***12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	6.043.335	656.265.985
Chi phí thuê kho	-	130.909.091
Chi phí khác	6.043.335	525.356.894
b. Dài hạn	214.122.218	-
Chi phí khác	214.122.218	-
Cộng	220.165.553	656.265.985

13. Vay và nợ thuê tài chính*(Chi tiết phụ lục số 03)*

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	VND	VND	VND	VND
Trần Thị Lan Anh	-	-	44.758.224.000	-
Công ty Cổ phần thiết bị 999	1.074.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thiên Việt	1.050.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	5.105.000	-	28.954.783.848	-
Cộng	2.129.105.000	-	73.713.007.848	-
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	-	-	10.006.099.200	-
<i>(Xem chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>				

15. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.988.525.000	6.195.000
Công ty Cổ phần Thiết bị 365	900.000.000	-
Công ty Cổ phần SMK Việt Nam	1.088.525.000	-
Các đối tượng khác	-	6.195.000
Cộng	1.988.525.000	6.195.000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối năm
a. Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	4.804.107.094	2.233.937.161	7.030.462.429	7.581.826
Thuế Thu nhập DN	671.614.173	888.694.646	671.614.173	888.694.646
Thuế Thu nhập cá nhân	-	281.859.019	150.729.657	131.129.362
Các loại thuế khác	-	52.722.948	52.722.948	-
Cộng	5.475.721.267	3.457.213.774	7.905.529.207	1.027.405.834

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	279.479.492	40.454.990
Chi phí lãi vay	279.479.492	40.454.990
b. Dài hạn	1.361.532.392	-
Chi phí lãi vay	1.361.532.392	-
Cộng	1.641.011.884	40.454.990

18. Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	16.636.947	-
Kinh phí công đoàn	8.545.315	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.091.632	-
Cộng	16.636.947	-

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***(Chi tiết phụ lục số 04)***b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu***(Chi tiết phụ lục số 04)***c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng Đô la Mỹ (USD)	31,80	38,40

21. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**a. Doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	91.366.097.723	87.114.780.975
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.841.318.181	26.613.064.510
Cộng	103.207.415.904	113.727.845.485

22. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	84.087.418.310	85.688.224.471
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.109.772.726	20.952.322.447
Cộng	90.197.191.036	106.640.546.918

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	17.866.656	363.259.982
Cộng	17.866.656	363.259.982

24. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.943.538.219	4.349.767.216
Chênh lệch tỷ giá	375.594	9.195.252
Cộng	1.943.913.813	4.358.962.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm nay VND	Năm trước VND
25. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng	327.246.848	783.096.140
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	131.860.716	479.034.983
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.286.466	189.932.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.099.666	89.639.956
Chi phí khác bằng tiền		24.488.771
Cộng	327.246.848	783.096.140
26. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.079.619.009	1.508.655.019
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	337.438.716	4.177.500
Chi phí nhân công	4.193.189.516	776.341.466
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.713.870	723.642.244
Chi phí khác bằng tiền	96.276.907	4.493.809
Cộng	5.079.619.009	1.508.655.019
27. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	1.588.101.449	7.840.327.970
Thanh lý tài sản cố định	1.588.101.449	7.840.327.970
Cộng	1.588.101.449	7.840.327.970
28. Chi phí khác		
Chi phí khác	950.637.113	4.038.699.550
Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH	32.717.113	195.770.747
Khác	917.920.000	3.842.928.803
Cộng	950.637.113	4.038.699.550
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	888.694.646	740.149.337
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	888.694.646	740.149.337
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	888.694.646	740.149.337
Chi tiết thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	6.314.776.190	4.601.473.342
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	33.042.707	195.770.747
Điều chỉnh tăng	33.042.707	195.770.747
- Chi phí không hợp lệ	33.042.707	195.770.747
Lợi nhuận chịu thuế chưa căn trừ lỗ kỳ trước	6.347.818.897	4.797.244.089
Lợi nhuận chịu thuế	6.347.818.897	4.797.244.089
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.269.563.780	959.448.818
- Thuế TNDN được miễn giảm 30%	380.869.134	(287.834.645)
- Điều chỉnh tăng theo Quyết định số 21673/QĐ-CCT-KTr3 ngày 09/09/2020 của Chi cục thuế Quận Ba Đình		68.535.164
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	888.694.646	740.149.337

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.426.081.544	3.861.324.005
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.426.081.544	3.861.324.005
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	904	644

31. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	504.024.584	7.684.533.938
Chi phí nhân công	4.193.189.516	1.682.631.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	255.286.465	12.096.413.504
Thuế, phí, lệ phí	52.722.948	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.114.119.066	813.282.200
Chi phí khác bằng tiền	108.276.907	28.982.580
Cộng	6.227.619.486	22.305.843.541

32. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.378.107		1.541.859.946	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.069.324.881	(60.599.300)	88.601.055.256	(60.599.300)
Các khoản cho vay	39.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	85.340.187.965	-	76.359.808.000	-
Cộng	107.565.890.953	(60.599.300)	166.502.723.202	(60.599.300)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	23.110.000.000	31.894.046.025
Phải trả người bán, phải trả khác	2.145.741.947	73.713.007.848
Chi phí phải trả	1.641.011.884	40.454.990
Cộng	26.896.753.831	105.647.508.863

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.378.107			117.378.107
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.069.324.881	-	-	22.069.324.881
Các khoản cho vay	39.000.000	-	-	39.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn		85.340.187.965		85.340.187.965
Cộng	22.225.702.988	85.340.187.965	-	107.565.890.953
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.541.859.946			1.541.859.946
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.601.055.256	-	-	88.601.055.256
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn		76.359.808.000		76.359.808.000
Cộng	90.142.915.202	76.359.808.000	-	166.502.723.202

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	23.110.000.000	-	23.110.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.145.741.947	-	-	2.145.741.947
Chi phí phải trả	279.479.492	1.361.532.392	-	1.641.011.884
Cộng	2.425.221.439	24.471.532.392	-	26.896.753.831
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.535.504.025	25.358.542.000	-	31.894.046.025
Phải trả người bán, phải trả khác	73.713.007.848	-	-	73.713.007.848
Chi phí phải trả	40.454.990	-	-	40.454.990
Cộng	80.288.966.863	25.358.542.000	-	105.647.508.863

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

34. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	91.366.097.723	11.841.318.181	103.207.415.904
Chi phí bộ phận	84.087.418.310	6.109.772.726	90.197.191.036
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.278.679.413	5.731.545.455	13.010.224.868
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			5.406.865.857
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.603.359.011
Doanh thu hoạt động tài chính			17.866.656
Chi phí tài chính			1.943.913.813
Thu nhập khác			1.588.101.449
Chi phí khác			950.637.113
Thuế TNDN hiện hành			888.694.646
Lợi nhuận sau thuế			5.426.081.544

35. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc đến ngày 08/06/2021
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	Công ty CP Enteco Việt Nam là cổ đông lớn của Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Xuân	Trưởng BKS

b. Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tạm ứng		
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	7.232.400.000	-
Hoàn ứng		
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	7.232.400.000	-
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	557.000.000	-
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	171.600.000	-
Thanh toán tiền mua cổ phần Công ty cổ phần truyền thông và dữ liệu thanh toán An Du		
Nguyễn Thị Chà	10.006.099.200	-
Vay tiền		
Bà Đỗ Thị Xuân	30.000.000	-
Thanh toán tiền vay		
Bà Đỗ Thị Xuân	30.000.000	-

c. Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	441.100.000	-
Phải trả nhà cung cấp		
Bà Nguyễn Thị Chà	-	10.006.099.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
	272.794.960	116.240.029

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc


Nguyễn Trần Minh Quân

TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c số 01

khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
		hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị hợp lý	
góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết					
TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng	49%	11.760.000.000 (*)	-	-	-
góp vốn vào đơn vị khác					
cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	4,99%	73.580.187.965	-	76.359.808.000	-
cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	19,00%	47.113.920.000 (*)	-	47.113.920.000 (*)	-
cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ	15,00%	15.713.152.000 (*)	-	15.713.152.000 (*)	-
		3.000.000.000 (*)	-	3.000.000.000 (*)	-
cổ phần truyền thông và dữ liệu thanh	4,10%	7.753.115.965 (*)	-	10.532.736.000 (*)	-
Du					

ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng hoạt định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

hụ lục số 02

I. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
ở đầu năm	227.751.865	9.291.344.647							9.519.096.512
Mua trong kỳ		6.000.000.000							6.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán		(15.291.344.647)							(15.291.344.647)
ở cuối kỳ	227.751.865	-							227.751.865
Giá trị hao mòn lũy kế									
ở đầu năm	222.465.394	5.672.173.373							5.894.638.767
Khấu hao trong kỳ	5.286.471	249.999.995							255.286.466
Thanh lý nhượng bán		(5.922.173.368)							(5.922.173.368)
ở cuối kỳ	227.751.865	-							227.751.865
Giá trị còn lại									
ở ngày đầu năm	5.286.471	3.619.171.274							3.624.457.745
ở ngày cuối kỳ	-	-							-

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 227.751.865 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. Mục số 03

Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	30.000.000	6.565.504.025	6.535.504.025	6.535.504.025
- ngắn hạn	-	-	30.000.000	5.865.504.025	5.835.504.025	5.835.504.025
- in hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - Sở giao dịch I	-	-	-	5.835.504.025	5.835.504.025	5.835.504.025
- cá nhân	-	-	30.000.000	30.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
- in hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - Sở giao dịch I	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Vay dài hạn	23.110.000.000	23.110.000.000	46.760.000.000	49.008.542.000	25.358.542.000	25.358.542.000
- in hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - Sở giao dịch I	-	-	-	25.358.542.000	25.358.542.000	25.358.542.000
- g ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen	-	-	23.650.000.000	23.650.000.000	-	-
- g ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	23.110.000.000	23.110.000.000	23.110.000.000	-	-	-
Tổng cộng	23.110.000.000	23.110.000.000	46.790.000.000	55.574.046.025	31.894.046.025	31.894.046.025

NG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

10 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

tiết vay và nợ thuê tài chính

Vay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng vay số 2509/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 25 tháng 09 năm 2021

tiền vay: 11.760.000.000 đồng

h hạn vay: 26 tháng

đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

suất cho vay: 11.82%/ năm

ư vay tại 31/12/2021 là: 11.760.000.000 đồng

Hợp đồng vay số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 03 năm 2021

tiền vay: 11.200.000.000 đồng

h hạn vay: 33 tháng

đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

suất cho vay: 11.82%/ năm

ư vay tại 31/12/2021 là: 11.200.000.000 đồng

Hợp đồng vay số 1009/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 09 năm 2021

tiền vay: 150.000.000 đồng

h hạn vay: 24 tháng

đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

suất cho vay: 6,5%/ năm

ư vay tại 31/12/2021 là: 150.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mục lục số 04

B. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
đầu đầu năm trước	60.000.000.000			9.164.658.321	69.164.658.321
Đãi trong năm trước				3.861.324.005	3.861.324.005
Đã trong năm trước				-	-
đầu đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	13.025.982.326	73.025.982.326
Tăng vốn trong năm nay					-
Đãi trong năm				5.426.081.544	5.426.081.544
đầu cuối năm	60.000.000.000	-	-	18.452.063.870	78.452.063.870

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Hãng ty TNHH Đầu tư G-Holding	11.400.000.000	19,00%	-	0,00%
Hãng ty CP tập đoàn Gami	10.800.000.000	18,00%	-	0,00%
Ủy đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng thương Việt Nam	10.800.000.000	18,00%	-	0,00%
Hãng ty cổ phần Chứng khoán Everest	9.000.000.000	15,00%	9.000.000.000	15,00%
Đồng khác	18.000.000.000	30,00%	51.000.000.000	85,00%
ổng	60.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%